TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P **THÀNH PHỐ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2022/DS-ST
Ngày: 19/4/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Lê Hưng
2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2021/DSST ngày 03 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S;
Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, Phường T, Quận 3, Thành phố M.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Ngọc P, sinh năm 1983 *(Văn bản ủy quyền số 78/2021/GUQ-CNQ10 ngày 03/02/2021). (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Trương Công K, sinh năm 1986; *(Vắng mặt)*
Địa chỉ thường trú: số 04A đường K, Phường M, thành phố L, tỉnh Đ;
Địa chỉ tạm trú: số 180 đường H, phường T, quận P, Thành phố M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/9/2019, ông Trương Công K có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 3346582 bao gồm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân (gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín

dụng cho ông K với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*, số thẻ 472075-4894, loại thẻ VS payWave Cre Gold, lãi suất 2,6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch từ ngày 22/10/2019 đến ngày 22/7/2020 với tổng số tiền là 68.284.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.514.991 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/11/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng.

Tính đến ngày 19/4/2022, ông K còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 69.676.420 đồng *(Sáu mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng)*. Trong đó:

- Nợ gốc: 41.799.958 đồng;

- Lãi quá hạn: 27.876.420 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông K trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 69.676.420 đồng *(Sáu mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng)*. Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 19/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Tòa án nhân dân quận P đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/4/2021 và 30/12/2021 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn ông Trương Công K vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa xét xử:

- Ngân hàng thương mại cổ phần S (do ông Thạch Ngọc P là đại diện theo ủy quyền) có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời có bản tự khai trình bày ý kiến, yêu cầu ông Trương Công K trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 69.676.420 đồng *(Sáu mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng),* trong đó: nợ gốc là 41.799.958 đồng và lãi quá hạn là 27.876.420 đồng. Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 19/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

- Bị đơn ông Trương Công K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Ngày 17/9/2019, ông Trương Công K có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S Hợp đồng số 3346582 bao gồm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân (gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông K với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*, số thẻ 472075-4894, loại thẻ VS payWave Cre Gold, lãi suất 2,6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch từ 22/10/2019 đến ngày 22/7/2020 với tổng số tiền là 68.284.000 đồng, ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.514.991 đồng. Tuy nhiên qau nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông K thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 69.676.420 đồng (trong đó nợ gốc là 41.799.958 đồng và lãi quá hạn là 27.876.420 đồng). Ông K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 19/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Nhận thấy, căn cứ Hợp đồng số 3346582 ngày 17/9/2019, ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các Điều 93,94,95 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 351,463 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 3346582 ngày 17/9/2019. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng. Do bị đơn ông Trương Công K có nơi cư trú cuối cùng tại quận P nên Tòa án nhân dân quận P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

Xét tại Đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ thường trú của bị đơn là số 04A đường K, Phường M, thành phố L, tỉnh Đ và địa chỉ tạm trú của bị đơn là số 180 đường H, phường T, quận P, Thành phố M. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3346582 ngày 17/9/2019 ghi địa chỉ hiện tại của bị đơn là 102/9/35 hẻm 100, đường Th, Phường B, Quận M, Thành phố M. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Phiếu yêu cầu xác minh ngày 06/4/2021 của Công an Phường M, thành phố L, tỉnh Đ cho

biết ông K không thực tế sinh sống tại địa phương, địa chỉ sinh sống thực tế tại Tổ 7, thôn A, xã H, huyện Tr, tỉnh Đ. Căn cứ Phiếu yêu cầu xác minh ngày 16/12/2021 của Công an xã H, huyện Tr, tỉnh Đ cho biết ông K không có cư trú tại địa phương. Căn cứ Phiếu yêu cầu xác minh ngày 06/4/2021 của Công an phường T, quận P, Thành phố M cho biết ông K không đăng ký tạm trú và không thực tế cư trú tại địa phương. Căn cứ Phiếu yêu cầu xác minh ngày 11/02/2022 của Công an Phường B, Quận M, Thành phố M cho biết ông K không đăng ký thường trú, tạm trú và cư ngụ tại địa phương. Do đó căn cứ vào Sổ tạm trú ngày 02/8/2018 của ông K cung cấp cho Ngân hàng khi ký Hợp đồng, Tòa án tiến hành niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của ông K là số 180 đường H, phường T, quận P, Thành phố M theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trương Công K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn ông Trương Công K.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 69.676.420 đồng (trong đó nợ gốc là 41.799.958 đồng và lãi quá hạn là 27.876.420 đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3346582 ngày 17/9/2019 ông K đã ký với Ngân hàng thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ngân hàng và ông K đã thỏa thuận về việc cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 35.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, ông K đã giao dịch với tổng số tiền là 68.284.000 đồng, đã thanh toán 40.514.991 đồng. Trong việc thực hiện hợp đồng trên, ông K là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp

đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 22/11/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất 3,9%/tháng theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và khởi kiện yêu cầu ông K thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 69.676.420 đồng (trong đó nợ gốc là 41.799.958 đồng và lãi quá hạn là 27.876.420 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Do ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông K thanh toán số tiền 69.676.420 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có căn cứ chấp nhận.

- Xét nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên.

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông K phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông K không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Trương Công K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 19/4/2022 là 69.676.420 đồng *(Sáu mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng).* Trong đó:

- Nợ gốc: 41.799.958 đồng;

- Lãi quá hạn: 27.876.420 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Công K phải chịu số tiền 3.483.821 đồng *(Ba triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.140.094 đồng *(Một triệu một trăm bốn mươi nghìn không trăm chín mươi bốn đồng)* theo Biên lai thu số 0071753 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.

3. Địa điểm thi hành: Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Trương Công K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp.HCM;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND quận P;
- Chi cục THADS quận P;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Thùy Trang